

Số Hợp đồng:

Mã số khách hàng tại Vietcombank (CIF):

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank/Ngân hàng)

Chi nhánh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị Ngân hàng phát hành cho Tôi/Chúng tôi Thẻ tín dụng quốc tế (TDQT) cá nhân theo các thông tin sau:

1 THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH THẺ TÍN DỤNG

1.1. Hạn mức tín dụng đề nghị:

Bằng chữ:

1.2. Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa Infinite

Chủ thẻ lựa chọn một trong hai mẫu thiết kế:

☐ Vietcombank Visa Infinite Diamond Shine

☐ Vietcombank Visa Infinite Diamond Charm

1.3. Đăng ký phát hành nhanh (chỉ áp dụng tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, dịch vụ có thu phí):

☐ Có

☐ Không

1.4. Đăng ký địa chỉ nhận thẻ qua bưu điện:

☐ Địa chỉ nơi ở hiện tại

☐ Địa chỉ đơn vị công tác

☐ Địa chỉ khác (vui lòng ghi rõ):

Ghi địa chỉ chi tiết

Phường/Xã

Tỉnh/Thành phố

1.5. Đăng ký nhận sao kê qua bưu điện: Email là phương thức nhận sao kê mặc định.

Trong trường hợp Chủ thẻ đồng thời muốn nhận sao kê qua bưu điện, vui lòng ghi rõ địa chỉ nhận dưới đây:

Ghi địa chỉ chi tiết

Phường/Xã

Tỉnh/Thành phố

Tính năng thanh toán qua internet sẽ được mặc định cung cấp khi thẻ được kích hoạt.

Chủ thẻ có thể chủ động quản lý, đóng, mở tính năng này trên VCB Digibank.

2 THÔNG TIN CÁ NHÂN CHỦ THẺ CHÍNH (CHỦ THẺ)

2.1. Họ và tên⁽¹⁾:

2.2. Tên in trên Thẻ⁽²⁾:

2.3. Sinh ngày (dd/mm/yyyy):

/ /

2.4. Giới tính:

☐ Nam

☐ Nữ

2.5. Quốc tịch:

☐ Việt Nam

☐ Khác (vui lòng ghi rõ):

(1) Ghi theo thông tin trên Thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/CMND/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị.

(2) Sử dụng chữ in, tối đa 20 ký tự, gồm cả ký tự trống nhưng không bao gồm ký tự đặc biệt và phải tương đồng với tên trên Thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/CMND/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị.

2.6. Tình trạng hôn nhân: ☐ Chưa kết hôn ☐ Đã kết hôn ☐ Đã ly hôn
☐ Góa ☐ Đang thực hiện thủ tục ly hôn

2.7. Tình trạng cư trú: ☐ Người cư trú ☐ Người không cư trú⁽³⁾.
 Ngày hết hạn cư trú ở Việt Nam: / /

2.8. Giấy tờ định danh số⁽⁴⁾:

	Cấp ngày (dd/mm/yyyy)	Cấp bởi	Hết hạn ngày (dd/mm/yyyy)
☐ CMND	/ /		/ /
☐ CCCD	/ /		/ /
☐ Hộ chiếu	/ /		/ /
☐ Giấy tờ khác ⁽⁵⁾ :	/ /		/ /

2.9. Loại địa chỉ

	Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Tỉnh/Thành phố
☐ Nơi thường trú			
☐ Nơi tạm trú			
☐ Khác			

2.10. Nơi ở hiện tại là: ☐ Nơi thường trú ☐ Nơi tạm trú ☐ Khác

2.11. Thời gian cư trú tại nơi ở hiện tại: Từ tháng năm đến tháng năm

2.12. Tình trạng nơi ở hiện tại:

☐ Ở nhà sở hữu riêng ☐ Ở nhà thuê ☐ Ở nhà sở hữu chung cùng người khác

☐ Ở nhà do công ty/ đơn vị công tác cung cấp ☐ Ở nhà bố mẹ ☐ Khác:

2.13. Loại nhà ở (gắn với nơi ở hiện tại):

☐ Nhà Biệt thự ☐ Nhà ở độc lập ☐ Nhà ở liền kề ☐ Nhà Chung cư

2.14. Thông tin liên lạc

Điện thoại di động	Điện thoại nhà riêng	Email

2.15. Phương thức liên lạc ưu tiên (chọn 1): ☐ Điện thoại di động ☐ Nhắn tin ☐ Email

2.16. Đăng ký Email nêu trên để nhận OTP cho giao dịch trực tuyến 3D Secure:

☐ Có ☐ Không

2.17. Trình độ học vấn:

☐ Trên đại học ☐ Đại học ☐ Cao đẳng ☐ Trung cấp

☐ Trung học phổ thông ☐ Dưới Trung học phổ thông

2.18. Số lượng người phụ thuộc về kinh tế:

☐ Dưới 18 tuổi: người. ☐ Từ 18 tuổi trở lên: người

2.19. Họ và tên mẹ của Chủ thẻ/ Tên trường tiểu học của Chủ thẻ⁽⁶⁾:

(3) Chủ thẻ là người nước ngoài thì phải có thời hạn cư trú tại Việt Nam từ 12 tháng (360 ngày) trở lên kể từ thời điểm đề nghị phát hành thẻ.

(4) Hướng dẫn Chủ thẻ chính kê khai thông tin toàn bộ các Giấy tờ định danh còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị, trừ trường hợp Quy định về hoạt động Thẻ của Vietcombank có quy định khác. Trường hợp chủ thẻ là người Việt Nam, không sử dụng Hộ chiếu để ký kết hợp đồng phát hành thẻ kể từ ngày 01/10/2024.

(5) Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử hoặc Giấy chứng nhận căn cước, áp dụng từ 01/10/2024.

(6) Sử dụng trong trường hợp cần xác nhận thông tin khẩn cấp.

3 THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP CHỦ THỂ CHÍNH

3.1. Tên cơ quan/công ty: _____ Mã số thuế: _____

3.2. Phòng, ban công tác: _____

3.3. Nghề nghiệp: _____

3.4. Chức vụ: _____

3.5. Địa chỉ cơ quan/công ty:

Ghi địa chỉ chi tiết

Phường/Xã

Tỉnh/Thành phố

3.6. Điện thoại cơ quan/công ty: _____ Số máy lẻ: _____

3.7. Loại hình cơ quan công tác:

- | | | |
|--|--|---|
| ☐ Cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước. | ☐ Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty nhà nước. | ☐ Doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng đặc biệt. |
| ☐ Tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp. | ☐ Đơn vị vũ trang nhân dân. | ☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập. |
| ☐ Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, tập đoàn/tổng công ty thuộc khu vực tư nhân. | ☐ Cơ quan thuộc lĩnh vực tài chính (bao gồm Ngân hàng thương mại và công ty bảo hiểm). | ☐ Cơ quan thuộc lĩnh vực tài chính (không bao gồm Ngân hàng thương mại và công ty bảo hiểm). |
| ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở kinh doanh trực thuộc cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước. | ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức/ cơ quan hành chính nước ngoài tại Việt Nam. | ☐ Khác: _____

_____ |

3.8. Ngành kinh tế của cơ quan/công ty hiện tại: _____

3.9. Loại hợp đồng lao động:

- ☐ Hợp đồng không xác định thời hạn ☐ Hợp đồng có xác định thời hạn. Thời hạn _____ tháng
- ☐ Khác: _____

3.10. Thời gian công tác tại cơ quan/công ty hiện tại: _____ tháng

3.11. Thời gian công tác trong lĩnh vực chuyên môn hiện tại: _____ tháng

3.12. Hình thức nhận lương: ☐ Tiền mặt
☐ Chuyển khoản vào tài khoản Vietcombank
☐ Chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng khác

3.13. Thu nhập bình quân của 03 tháng gần nhất (VND):

Tiền Lương	Tiền thưởng, Phụ cấp (nếu có)	Thu nhập khác (nếu có)	Tổng thu nhập
_____	_____	_____	_____

3.14. Chi tiêu bình quân hàng tháng (gồm chi phí trả nợ vay, chu cấp, sinh hoạt):

_____ VND

3.15. Tên cơ quan công tác/công ty trước đây:

Chức vụ:

3.16. Thời gian công tác tại cơ quan/công ty trước đây: tháng

4 BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TÍN DỤNG PHÁT HÀNH THẺ

☐ Không có bảo đảm

☐ Bảo đảm bằng tài sản

Loại tài sản	Mô tả tài sản	Giá trị định giá (VND)	Kỳ hạn (nếu có)	Ngày đến hạn (nếu có)	Tên chủ sở hữu tài sản	Quan hệ của chủ sở hữu tài sản với Chủ thẻ

Nghĩa vụ của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:

Nghĩa vụ của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng còn có thể được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Vietcombank với Chủ thẻ và/hoặc với bên thứ ba mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Chủ thẻ.

☐ Cam kết bảo lãnh

- Giá trị bảo lãnh:
- Tên Bên bảo lãnh:
- Giấy tờ định danh (còn hiệu lực) số: Cấp ngày: / / Cấp bởi
- Quan hệ của Bên bảo lãnh với Chủ thẻ:

5 THANH TOÁN SAO KÊ

5.1. Phương thức thanh toán sao kê:

- ☐ Chủ thẻ chủ động thanh toán (qua kênh ngân hàng điện tử của Vietcombank, tiền mặt, chuyển khoản, chuyển tiền liên ngân hàng)
- ☐ Ngân hàng chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán theo thông tin sau:
 - ☐ Theo ngày (toàn bộ số tiền giao dịch, phí được cập nhật vào hệ thống)
 - ☐ Theo tháng (thanh toán):
 - ☐ Số tiền tối thiểu
 - ☐ Toàn bộ số dư sao kê

5.2. Số tài khoản thanh toán tại Vietcombank đăng ký thanh toán trích (ghi Nợ) tự động:

6 THÔNG TIN NGƯỜI LIÊN HỆ KHI CẦN

Trường hợp Vietcombank không liên hệ được trực tiếp với tôi, xin vui lòng liên hệ với người có thông tin dưới đây:

6.1. Họ và tên:

6.2. Quan hệ với chủ thẻ chính (bố/mẹ/anh/chị/em/vợ/chồng):

6.3. Địa chỉ nơi ở hiện tại:

Ghi địa chỉ chi tiết

Phường/Xã

Tỉnh/Thành phố

6.4. Điện thoại liên hệ:

7 NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CHỦ THẺ CHÍNH

- ☐ Chủ thẻ cam kết không có Người có liên quan có quan hệ tín dụng tại Vietcombank.
- ☐ Thông tin Người có liên quan của Chủ thẻ có quan hệ tín dụng tại Vietcombank được Chủ thẻ cung cấp cho Vietcombank theo Phụ lục 01 lập kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này.

8 CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ

Bằng cách ký vào phần dưới đây, Tôi xác nhận và cam kết rằng:

- 8.1. Mọi thông tin tôi cung cấp cho Vietcombank tại đề nghị này là đầy đủ và trung thực. Tôi hiểu và đồng ý rằng Vietcombank có thể yêu cầu thêm thông tin để xác thực các thông tin mà tôi xác nhận ở trên, thay mặt tôi cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề nghị Vietcombank phát hành thẻ tín dụng quốc tế mà Tôi đã đăng ký ở trên.
- 8.2. Mục đích sử dụng vốn hợp pháp.
- 8.3. Bằng việc đồng ý phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nêu trên, Tôi xác nhận và đồng ý rằng: (i) đã được Vietcombank cung cấp đầy đủ thông tin về thỏa thuận/hợp đồng/giấy đề nghị theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và dịch vụ phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại giấy đề nghị này; (ii) Vietcombank được xác thực thông tin trên giấy tờ tùy thân hợp pháp và xử lý dữ liệu cá nhân của Tôi theo quy định pháp luật từ bất kỳ giải pháp nào mà Vietcombank có được để phục vụ mục đích tuân thủ quy định pháp luật về nhận biết khách hàng; cung cấp cho bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn các đối tác...) hợp tác với Vietcombank để phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Vietcombank; hoặc sử dụng thông tin với mục đích nghiên cứu đánh giá để hiểu về nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng của Tôi để phục vụ các nghiệp vụ ngân hàng; (iii) đã đọc, hiểu rõ, tự nguyện đồng ý và cam kết thực hiện các Điều khoản, điều kiện chung dưới đây và đồng ý rằng khi đại diện hợp pháp của Vietcombank ký vào "Phần dành cho Ngân hàng" tại văn bản này thì văn bản này và các Điều khoản, điều kiện dưới đây được coi là Hợp đồng và có giá trị ràng buộc các bên.

Đồng ý

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ☐

Điều khoản và Điều kiện sử dụng Phương thức xác thực của khách hàng cá nhân ☐

Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân ☐

- 8.4. Các thông tin số điện thoại và địa chỉ email đăng ký tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này sẽ được sử dụng để đăng ký với Vietcombank⁽⁷⁾ các dịch vụ Ngân hàng điện tử, gửi OTP và/hoặc thông báo giao dịch thẻ và/hoặc thông báo/quảng cáo của Vietcombank về sản phẩm dịch vụ cho Tôi/Chúng tôi. Trường hợp có sự khác nhau giữa số điện thoại đăng ký tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng và số điện thoại đã đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử (VCB-SMS Banking, VCB Digibank) của Tôi/Chúng tôi, thì số điện thoại đã đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử là số điện thoại Vietcombank gửi thông báo giao dịch và/hoặc mật khẩu sử dụng một lần (OTP) cho giao dịch trực tuyến bằng Thẻ tại đơn vị 3D Secure.

(7) Trường hợp Chủ thẻ chưa đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử, Chủ thẻ sẽ đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử (VCB-SMS Banking và/hoặc VCB Digibank) tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký phát hành Thẻ theo Đề nghị này.

- 8.5. Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (www.vietcombank.com.vn) hay tại bất kỳ điểm giao dịch nào hoặc được cung cấp bởi Trung tâm hỗ trợ khách hàng của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm cập nhật Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) nói trên theo từng thời kỳ được Vietcombank thông báo trước ngày hiệu lực áp dụng trên Trang thông tin điện tử chính thức của Vietcombank và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của Vietcombank. Bằng việc tiếp tục duy trì/sử dụng thẻ, Tôi/Chúng tôi đồng ý với bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân).
- 8.6. Tôi/Chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ theo các phương thức điện tử mà Vietcombank áp dụng theo từng thời kỳ sẽ được chính Tôi/Chúng tôi thực hiện. Khi đó, Vietcombank hiểu rằng tôi/Chúng tôi đã nhận được thẻ và tôi chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh theo việc kích hoạt thẻ này.
- 8.7. Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Chủ thẻ (nếu có) được hình thành hợp pháp, hợp lệ, không có tranh chấp, và thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên bảo đảm.
- 8.8. Nguồn tiền dùng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán/trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác là hợp pháp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận.
- 8.9. Đồng ý để Vietcombank thực hiện tra cứu thông tin về Chủ thẻ tại các bên thứ ba có liên quan; xác thực các thông tin về Chủ thẻ từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Vietcombank có được để phục vụ mục đích thẩm định. Vietcombank có quyền thu thập và sử dụng thông tin về Chủ thẻ bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Chủ thẻ cung cấp để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- 8.10. Bất kỳ Thẻ tín dụng quốc tế nào mà Vietcombank cung cấp cho Tôi/Chúng tôi, bao gồm thẻ chính và (các) thẻ phụ sẽ không được sử dụng trong bất kỳ hành vi hoặc mục đích nào trái với pháp luật. Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng (các) thẻ trên để thanh toán tiền mua các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài.
- 8.11. Tôi/Chúng tôi cam kết đã đọc, hiểu rõ và đồng ý đối với các nội dung về giao dịch đặc thù được quy định tại Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân).
- 8.12. Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này được lập 01 bản gốc và do Ngân hàng giữ.

_____ ngày _____ tháng _____ năm 20____

Chủ thẻ chính
(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Thông tin đề xuất nhu cầu tín dụng

CHI NHÁNH: _____ PHÒNG: _____

Tên Cán bộ Quan hệ khách hàng (RM/PBO): _____ Số điện thoại: _____

Mã cán bộ: _____ Email: _____

Kênh bán:

☐ Chi nhánh ☐ Điện tử ☐ Trung tâm dịch vụ khách hàng

☐ Đại lý ☐ Khác. Cụ thể: _____

Mã Sản phẩm: _____ Tên sản phẩm: _____

Hạn mức tín dụng (VND): _____ Bằng chữ: _____

Thời hạn duy trì hạn mức: _____

Thời hạn hiệu lực thẻ tín dụng: _____

Sản phẩm bán kèm (nếu có): _____

2. Xác nhận

Khi ký đề xuất nhu cầu tín dụng này, với kỹ năng, kiến thức, chuẩn mực nghề nghiệp của Tôi, Tôi xin cam kết đã kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ do Chủ thể cung cấp so với quy định, các hướng dẫn, cảnh báo của Vietcombank.

_____ ngày _____ tháng _____ năm 20____

Cán bộ Quan hệ khách hàng
(RM/PBO)
(Ký và ghi rõ họ tên)

☐ Tôi/Chúng tôi đã kiểm tra, kiểm soát các nội dung được trình bày trên đây và hồ sơ kèm theo trước khi ký đề xuất nhu cầu tín dụng này⁽⁸⁾.

_____ ngày _____ tháng _____ năm 20____

**Lãnh đạo Phòng Khách hàng/
Phòng Giao dịch**
(Ký và ghi rõ họ tên)

_____ ngày _____ tháng _____ năm 20____

Lãnh đạo Chi nhánh
(Ký và ghi rõ họ tên)

(8) Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Trụ sở chính.

3. Xác nhận cấp tín dụng và phát hành thẻ tín dụng

Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Chủ thẻ để phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng theo các thông tin đã đăng ký tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng của Chủ thẻ. Thông tin cấp tín dụng và phát hành thẻ như sau:

Hạn mức tín dụng: _____ (Bằng chữ: _____)

Thời hạn duy trì hạn mức: _____

Thời hạn hiệu lực thẻ tín dụng: _____

Lãi suất: _____ , mức lãi suất này có thể thay đổi theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ.

_____ ngày _____ tháng _____ năm 20_____

Đại diện hợp pháp Vietcombank
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CHỦ THẺ CHÍNH THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH CỦA VIETCOMBANK

Áp dụng trong trường hợp hạn mức tín dụng đề nghị trên 400.000.000 VND

Kèm theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng ngày

Thông tin về người có liên quan của Chủ thẻ chính [●] (sau đây gọi tắt là “Chủ thẻ”) bao gồm⁽⁹⁾:

	Phân loại người có liên quan (NCLQ) của Chủ thẻ	Tên tổ chức/ cá nhân	Quốc tịch (với cá nhân)	Mã số thuế/ Số ĐKKD ⁽¹⁰⁾ / Mã số Doanh nghiệp (với tổ chức) CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (với cá nhân) ⁽¹¹⁾	Ngày cấp, Nơi cấp hộ chiếu (với cá nhân là người nước ngoài)	Địa chỉ trụ sở chính (với tổ chức) Địa chỉ cư trú (với cá nhân)	Người đại diện theo pháp luật ⁽¹²⁾ (với tổ chức)	NCLQ đang có quan hệ tín dụng với VCB ⁽¹³⁾	Quan hệ với Chủ thẻ ⁽¹⁴⁾
☐	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thẻ sở hữu từ 5% Vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.							☐	
☐	Tổ chức, cá nhân theo quy định tại các điểm a,b,c,d và đ Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD ¹⁵ ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Chủ thẻ.							☐	

(9) Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp

(10) Số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

(11) Kê khai toàn bộ các Giấy tờ định danh (Căn cước công dân/Chứng minh thư/Hộ Chiếu). Trường hợp cá nhân là người nước ngoài, ngoài số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, bổ sung thông tin về quốc tịch.

(12) Kê khai tên, CCCD của người đại diện theo pháp luật.

(13) Trường hợp NCLQ đang có quan hệ tín dụng với VCB, tích X vào ô. Trường hợp NCLQ không có quan hệ tín dụng tại VCB: để trống.

(14) Ghi tỷ lệ góp vốn, quan hệ điều hành, kiểm soát, quan hệ khác ...

(15) Luật các TCTD: Luật các tổ chức tín dụng hiện hành là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

☐	Cá nhân cùng với Chủ thể được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác.							☐	
☐	Cá nhân được Chủ thể là cá nhân theo quy định tại điểm a,b,c,d và đ Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần.							☐	
☐	Công ty con mà Chủ thể là người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ ⁽¹⁶⁾ .							☐	
☐	Công ty con mà Chủ thể có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ.							☐	

(16) Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

☐	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thể là người quản lý ⁽¹⁷⁾ , kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát.							☐	
☐	Vợ/chồng của Chủ thể							☐	
☐	Cha/mẹ của Chủ thể							☐	
☐	Cha/mẹ nuôi của Chủ thể							☐	
☐	Con của Chủ thể							☐	
☐	Con nuôi của Chủ thể							☐	
☐	Anh/Chị/Em ruột của Chủ thể							☐	
☐	Vợ/chồng của anh/chị/em ruột Chủ thể							☐	
☐	Anh/chị/em ruột của vợ/chồng Chủ thể							☐	

(17) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

☐	Cá nhân có mối quan hệ gia đình ⁽¹⁸⁾ với Chủ thể ngoại trừ các mối quan hệ vợ/chồng, cha/mẹ, cha/mẹ nuôi, con, con nuôi, anh/chị/em ruột, vợ/chồng của anh/chị/em ruột, anh/chị/em ruột của vợ/chồng						☐	
☐	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thể là người có quan hệ gia đình với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát.						☐	
☐	Công ty/Tổ chức tín dụng mà Chủ thể có mối quan hệ gia đình với thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc Tổ chức tín dụng đó.						☐	

(18) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột của cá nhân đó.”

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN*Áp dụng đối với trường hợp Hạn mức tín dụng đề nghị trên 400.000.000 VND***Kèm theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng ngày**

Tổng nguồn vốn:	Tổng nguồn vốn*	
	Vốn tự có*	
	Vay VCB*	
	Vốn khác*	
Mục đích sử dụng vốn:		
Thời hạn hiệu lực thẻ*:		
Nguồn trả nợ*: ☐ Thu nhập từ lương ☐ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh ☐ Thu nhập khác. Cụ thể:		